



HALONG CANNED FOOD JOINT STOCK CORPORATION

71 Le Lai, May chai Ward, Ngo Quyen Dist., Hai Phong City

T (84 225) 3836 692 | F (84 225)3836 155 | www.canfoco.com.vn

Hải Phòng, ngày 18 tháng 08 năm 2021

Haiphong, August 18th, 2021

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Respectfully: STATE SECURITIES COMMISSION
HANOI STOCK EXCHANGE

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường Chứng Khoán.

According to provisions of the Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance guiding the Disclosure of information on securities market.

Công ty CP Đồ hộp Hạ Long (Mã chứng khoán: CAN) xin được giải trình lý do chênh lệch một số chỉ tiêu trên Báo cáo Kết quả kinh doanh bán niên năm 2021 trước và sau kiểm toán của Công ty mẹ và hợp nhất như sau:

Ha Long Canned Food Joint Stock Corporation (Stock code: CAN) would like to explain the reason for differences of Statements of profit and loss for six-month period ended 30 June 2021 before and after audit of Separate and Consolidated reports as follows:

1. Báo cáo tài chính Công ty mẹ/ Separate Financial Statements (Parent Company).

ĐVT/ Unit: triệu đồng/million VND

Chỉ tiêu	Item	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021/ Six-month period ended 30 June 2021		CHÊNH LỆCH/ DIFFERENCE	
		Trước kiểm toán/Before audit	Sau kiểm toán/After audit	Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Revenue from sale of goods and rendering of services	223.957	223.957	-	0%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Deductions	5.591	5.591	-	0%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Net revenue from sale of goods and rendering of services	218.366	218.366	-	0%
4. Giá vốn hàng bán	Costs of goods sold, and services rendered	168.275	168.314	39	0%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Gross profit from sale of goods and rendering of services	50.091	50.052	-39	0%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	Income from financial activities	8	8	-	0%
7. Chi phí tài chính	Expenses from financial activities	2.428	2.428	-	0%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	- In which: Interest expenses	2.206	2.206	-	0%
8. Chi phí bán hàng	Selling Expenses	38.724	38.724	-	0%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Administration Expenses	10.119	10.119	-	0%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Operating profit	- 1.172	- 1.211	-39	3%



Chỉ tiêu	Item	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021/ Six-month period ended 30 June 2021		CHÊNH LỆCH/ DIFFERENCE	
		Trước kiểm toán/Before audit	Sau kiểm toán/After audit	Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
11. Thu nhập khác	Other income	444	509	65	15%
12. Chi phí khác	Other expenses	64	64	-	0%
13. Lợi nhuận khác	Other profit	380	445	65	17%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Net profit before tax	-792	-766	26	-3%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Current corporate income tax expense	-	141	141	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	Deferred corporate income tax expense	-	-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Net profit after tax	-792	-907	-115	15%

Thu nhập khác ty mẹ chênh lệch trước và sau kiểm toán do điều chỉnh tài sản thừa, thiếu chờ xử lý.

Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ chênh lệch trước và sau kiểm toán do ghi nhận bổ sung nghĩa vụ Thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng với chi phí lãi vay tạm thời loại trừ theo quy định về giao dịch liên kết.

The difference of other income in the parent statement between before and after the audit is due to adjustment of excess and shortage of assets awaiting resolution.

The difference of profit after tax in the parent statement between before and after the audit due to additional recognition of corporate income tax obligation corresponding to interest expense temporarily excluded according to regulations on related-party transactions.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất/Consolidated Financial Statement:

DVT/ Unit: triệu đồng/million VND

Chỉ tiêu	Item	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021/ Six-month period ended 30 June 2021		CHÊNH LỆCH/ DIFFERENCE	
		Trước kiểm toán/Before audit	Sau kiểm toán/After audit	Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Revenue from sale of goods and rendering of services	387.316	388.773	1.457	0%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Deductions	5.625	5.625	-	0%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Net revenue from sale of goods and rendering of services	381.691	383.148	1.457	0%
4. Giá vốn hàng bán	Costs of goods sold, and services rendered	314.161	316.269	2.108	1%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Gross profit from sale of goods and rendering of services	67.530	66.878	-652	-1%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	Income from financial activities	1.420	1.420	-	0%
7. Chi phí tài chính	Expenses from financial activities	3.737	3.737	-	0%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	- In which: Interest expenses	3.020	3.020	-	0%

200344
 CÔNG TY
 Ô PHẢI
 TẬP HẠ LƯU
 LONG CANFO
 YÊN-TRỊ

Chỉ tiêu	Item	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021/ Six-month period ended 30 June 2021		CHÊNH LỆCH/ DIFFERENCE	
		Trước kiểm toán/Before audit	Sau kiểm toán/After audit	Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
8. Chi phí bán hàng	<i>Selling Expenses</i>	45.821	45.821	-	0%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	<i>Administration Expenses</i>	15.319	14.775	-544	-4%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	<i>Operating profit</i>	4.073	3.966	107	-3%
11. Thu nhập khác	<i>Other income</i>	547	1.182	635	116%
12. Chi phí khác	<i>Other expenses</i>	103	103	-	0%
13. Lợi nhuận khác	<i>Other profit</i>	444	1.079	635	143%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<i>Net profit before tax</i>	4.517	5.045	528	12%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	<i>Current corporate income tax expense</i>	668	809	141	21%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	<i>Deferred corporate income tax expense</i>	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<i>Net profit after tax</i>	3.849	4.236	387	10%

Thu nhập nhuận khác Báo cáo hợp nhất chênh lệch trước và sau kiểm toán do điều chỉnh khoản phải trả khác vào thu nhập khác.

Lợi nhuận sau thuế Báo cáo hợp nhất chênh lệch trước và sau kiểm toán do ảnh hưởng của điều chỉnh thu nhập khác và ghi nhận bổ sung nghĩa vụ Thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng với chi phí lãi vay tạm thời loại trừ theo quy định về giao dịch liên kết tại Báo cáo Công ty mẹ.

The difference of other income in Consolidated statement between before and after the audit due to adjustment of other payables into other income.

The difference of profit after tax Consolidated statement between before and after audit due to effects of other income adjustments and additional recognition of corporate income tax obligations corresponding to interest expenses temporarily excluded as prescribed related transactions in the parent statement.

Công ty chúng tôi xin được giải trình với Quý Cơ quan.

Our Company would like to explain to your Agency.



**CHỦ TỊCH HĐQT
KEK CHIN ANN**